

Số: 37/2025/QĐST-DS

Mỹ Đức, ngày 13 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 467, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản yêu cầu ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 154/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Các nguyên đơn:

- Công ty cổ phần M. (gọi tắt là J)

Địa chỉ trụ sở: Tầng 15, Tòa nhà C, số 219 T, phường Y, quận C, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Anh T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 10/2024/UQ-TGD ngày 05/12/2024).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Mai Quang T1 - chuyên viên xử lý nợ Công ty (Theo văn bản ủy quyền số 25104/2025/UQ-XLN-J ngày 03/4/2025).

-Ngân hàng TMCP V (V).

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, TP. H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L, ông Phạm Tuấn A, ông Đỗ Thành T2 (Theo văn bản ủy quyền số: 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024 của Chủ tịch Hội đồng).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Như G - Trưởng phòng xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 03/2025/UQN-GĐTT ngày 01/3/2025).

Bị đơn: anh Nguyễn Đại D1, sinh năm 2003. Nơi cư trú: Xóm 5, Đ, A, M, H.

Người đại diện theo ủy quyền bị đơn anh Nguyễn Đại D1: Ông Nguyễn Hữu L2, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Xóm 5, Đ, A, M, H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Về khoản nợ và dư nợ, tài sản thế chấp, các bên thống nhất trình bày:

2.1.1 Theo Hợp đồng cho vay số LN2307079668312 ngày 15/07/2023, có KUNN (khế ước nhận nợ) LD 2320201133: cụ thể: Số tiền vay: 800,000,000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày bên ngân hàng giải ngân số tiền vay; mục đích sử dụng vốn: Vay bổ sung vốn/mở rộng/phát triển kinh doanh cho HKD Nguyễn Đại D1 kinh doanh quán cafe trà sữa; lãi suất trong hạn: 12,8% năm/trong vòng 3 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 1 tháng/1 lần và bằng lãi suất cơ sở (+) biên độ 3,5% năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm quá hạn; tiền lãi phạt chậm trả: bằng 10%/ năm theo lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi trong hạn.

2.1.2 Theo Hợp đồng cho vay số LN2307079667874 ngày 15/07/2023 có KUNN số LD2320200962:

+ Số tiền vay: 800,000,000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày bên ngân hàng giải ngân số tiền vay; mục đích sử dụng vốn: Vay bổ sung vốn theo hạn mức HKD Nguyễn Đại D1 kinh doanh quán cafe trà sữa; lãi suất trong hạn: 10,8% năm/trong vòng 3 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 1 tháng/1 lần và bằng lãi suất cơ sở (+) biên độ 3,2% năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm quá hạn; tiền lãi phạt chậm trả: bằng 10%/ năm theo lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi trong hạn.

2.1.3. Theo Hợp đồng cho vay số LN2308119966540 ngày 07/09/2023, KUNN số LD2325001753

+ Số tiền vay: 378,000,000 đồng; thời hạn vay: 96 tháng, tính từ ngày bên ngân hàng giải ngân số tiền vay; mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA Vios G sản xuất 2023 mới 100% phục vụ nhu cầu đi lại cá nhân; lãi suất trong hạn: 11,5% năm/trong vòng 12 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 3 tháng/1 lần và bằng lãi suất cơ sở (+) biên độ 4,6% năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm quá hạn; tiền lãi phạt chậm trả: bằng 10%/ năm theo lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi trong hạn.

2.1.4. Theo Hợp đồng cho vay số LN2308160015947 ngày 19/08/2023 KUNN số LD2323301642

+ Số tiền vay: 300,000,000đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày bên ngân hàng giải ngân số tiền vay; mục đích sử dụng vốn: Vay bổ sung vốn/mở rộng/phát triển kinh doanh cho HKD Nguyễn Đại D1 kinh doanh quán cafe trà sữa; lãi suất trong hạn: 12% năm/trong vòng 3 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 1 tháng/1 lần và bằng lãi suất cơ sở (+) biên độ 3,5% năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm quá hạn; tiền lãi phạt chậm trả: bằng 10%/ năm theo lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi trong hạn.

2.1.5. Theo Hợp đồng cho vay số LN2311060788670 ngày 08/11/2023, KUNN LN 2331202099

+ Số tiền vay: 500,000,000đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày bên ngân hàng giải ngân số tiền vay; mục đích sử dụng vốn: HH-Vay SXKD: Vay bổ sung vốn/mở rộng/phát triển kinh doanh cafe trà sữa; lãi suất trong hạn: 12% năm/trong vòng 3 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 1 tháng/1 lần và bằng lãi suất cơ sở (+) biên độ 4% năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm quá hạn; tiền lãi phạt chậm trả: bằng 10%/ năm theo lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi trong hạn.

2.1.6. Theo Giấy đề nghị mở thẻ tín dụng số 379-P-5977797 ký giữa anh Nguyễn Đại D1 và V (Khoản vay không có tài sản thế chấp) tổng số tiền còn dư nợ: 62.174.839 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc: 29.575.896 đồng, nợ lãi quá hạn: 32.598.943 đồng.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên anh Nguyễn Đại D1 đã thanh toán trả cho nguyên đơn tổng số tiền: 295.138.435 đồng (Trong đó: trả nợ gốc: 39.380.000đồng; trả nợ lãi: 255.758.435 đồng). Sau đó đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với V kể từ ngày 15/7/2023, theo đó toàn bộ khoản nợ chuyển quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký với V. Ngày 28/02/2025 Ngân hàng VP Bank đã bán 90% khoản nợ theo 05 Hợp đồng cho vay và bán 100% khoản nợ thẻ tín dụng cho Công ty Jupier.

Tạm tính đến ngày 05/5/2025, ông Nguyễn Đại D1 còn nợ V và J tổng số tiền:

Tổng các khoản nợ	J	V	J và V
Nợ gốc	2,494,333,896 đồng	276,819,590 đồng	2,768,195,896 đồng
Nợ lãi, phạt chậm trả lãi	355,945,632đồng	39,549,515 đồng	395,495,147 đồng
Tổng cộng	2,847,321,938 đồng	316,369,104 đồng	3.163.691.043 đồng

Cụ thể:

1- Theo Hợp đồng cho vay số LN2307079668312 ngày 15/07/2023 có số KUNN (khế ước nhận nợ) LD 2320201133:

+ Nợ Công ty Cổ phần M tổng: 827.359.236 đồng. Trong đó: nợ gốc: 720.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 88.133.918 đồng; nợ lãi quá hạn: 11.459.256 đồng; lãi chậm trả: 7.766.026 đồng.

+ Nợ Ngân hàng TMCP V tổng dư nợ: 91.928.804 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc: 80.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 9.792.657 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.273.251 đồng; lãi chậm trả: 862.896 đồng.

2- Theo Hợp đồng cho vay số LN2307079667874 ngày 15/07/2023, KUNN số LD2320200962:

+ Dư nợ Công ty Cổ phần M tổng: 836.691.485 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc: 720.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 90.628.274 đồng; nợ lãi quá hạn: 17.577.345 đồng; lãi chậm trả: 8.485.867 đồng.

+ Dư nợ Ngân hàng TMCP V tổng dư nợ: 92.965.720 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc: 80.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 10.069.808 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.953.038 đồng; lãi chậm trả: 942.874 đồng.

3- Theo Hợp đồng cho vay số LN2308119966540 ngày 07/09/2023, KUNN số LD2325001753

+ Nợ Công ty Cổ phần M tổng: 341.906.019 đồng. Trong đó: nợ gốc: 304.758.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.468.347 đồng; nợ lãi quá hạn: 19.951.709 đồng; lãi chậm trả: 1.727.963 đồng.

+ Nợ Ngân hàng TMCP V tổng dư nợ: 37.989.557 đồng. Trong đó: nợ gốc: 33.862.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.718.705 đồng; nợ lãi quá hạn: 2.216.856 đồng; lãi chậm trả: 191.995 đồng.

4- Theo Hợp đồng cho vay số LN2308160015947 ngày 19/08/2023, KUNN số LD2323301642

+ Nợ Công ty Cổ phần M tổng: 296.289.744 đồng. Trong đó: nợ gốc: 270.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 20.151.617 đồng; nợ lãi quá hạn: 4.376.498 đồng; lãi chậm trả: 1.761.630 đồng.

+ Nợ Ngân hàng TMCP V tổng: 32.921.082 đồng. Trong đó: nợ gốc: 30.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 2.239.068 đồng; nợ lãi quá hạn: 486.277 đồng; lãi chậm trả: 195.736 đồng.

5- Theo Hợp đồng cho vay số LN2311060788670 ngày 08/11/2023, KUNN LN 2331202099

+ Nợ Công ty Cổ phần M tổng: 489.118.097 đồng. Trong đó: nợ gốc: 450.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 29.460.822 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.272.626 đồng; lãi chậm trả: 2.384.651 đồng.

+ Dư nợ Ngân hàng TMCP V tổng: 54.346.455 đồng. Trong đó: nợ gốc: 50.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 3.273.424 đồng; nợ lãi quá hạn: 808.069 đồng; lãi chậm trả: 264.961 đồng.

- Theo Giấy đề nghị mở thẻ tín dụng số 379-P-5977797 anh Nguyễn Đại D1 nợ Công ty Cổ phần M (Khoản vay không có tài sản thế chấp) tổng số tiền nợ: 62.174.839 đồng. Trong đó: nợ gốc: 29.575.896 đồng, nợ lãi quá hạn: 32.598.943 đồng.

Về phương án trả nợ: Các bên thống nhất thỏa thuận: Chậm nhất đến ngày 13/5/2025 anh D1 tất toán trả toàn bộ các khoản vay trên với Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V V; Anh D1 phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 06/5/2025 theo các mức lãi suất đã được thỏa thuận trong tất cả các tín dụng và khoản vay thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán toàn bộ.

Về xử lý tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Trường hợp anh Nguyễn Đại D1 không trả nợ đúng cam kết về phương án trả nợ nêu trên thì Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V V có toàn quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, cụ thể là:

Tài sản 1: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 668; Tờ bản đồ số: 16, tại địa chỉ: Xã An Mỹ, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 281743, Số vào sổ cấp GCN: CN 00147 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 26/06/2023; Ngày 05/07/2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh Huyện Mỹ Đức đã xác nhận tặng cho ông Nguyễn Đại D1”. Chi tiết Hợp đồng thế chấp Công chứng số **3089/2023**, Quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 14/07/2023 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Khôi giữa Ông Nguyễn Đại D1 và Ngân hàng V. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Nguyễn Đại D1 không liên quan đến ai khác. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

+ Tài sản 2: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, có số khung RL4B23F32P5168159, số máy 2NRY077882, biển số 30K-432.38 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 000110 do Công an TP Hà Nội, Công An huyện Mỹ Đức cấp ngày 29/08/2023 của chủ sở hữu (bên bảo đảm) là Ông Nguyễn Đại D1. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Chi tiết Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp xe ô tô LN2308119966540 và phụ lục hợp đồng ký ngày 07/09/2023 giữa Ông Nguyễn Đại D1 và Ngân hàng V.

Người đại diện theo ủy quyền bị đơn ông Nguyễn Hữu Long trình bày: Các tài sản bảo đảm trên là thuộc 1 mình sở hữu của anh Nguyễn Đại D1, không liên quan đến bất cứ người nào khác trong gia đình.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả các khoản nợ đã vay trên, anh Nguyễn Đại D1 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V V cho đến khi trả hết khoản nợ.

2.5./ Án phí: chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật số tiền là **44.473.219** đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP V số tiền 44.000.000 đồng theo biên lai số 0008218 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Tòa án ND Tp. Hà Nội.*
- *VKSND huyện Mỹ Đức;*
- *Chi cục THA Mỹ Đức;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Bùi Thị Hồng

(5) Ghi những nội dung những người tham gia hoà giải đã thoả thuận được trước, đến những nội dung những người tham gia hoà giải không thoả thuận được. Trong trường hợp các bên đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thì Thẩm phán chủ trì phiên họp lập biên bản hoà giải thành theo mẫu số 36 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

(6) Ghi họ tên, tư cách đương sự và yêu cầu sửa đổi, bổ sung cụ thể của người tham gia phiên họp.